

KẾ HOẠCH

Đối sánh, so chuẩn chất lượng giáo dục của Nhà trường năm học 2022-2023

1. Mục đích, yêu cầu

Việc đối sánh, so chuẩn được thực hiện nhằm đánh giá đúng thực trạng chất lượng các lĩnh vực hoạt động của Trường; làm căn cứ để đưa ra các giải pháp thực hiện hoạt động cải tiến, không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

Quá trình thực hiện và kết quả đối sánh, so chuẩn phải đảm bảo tính chính xác, trung thực, khách quan, khoa học, đầy đủ; các giải pháp cải tiến chất lượng phải có tính khả thi.

2. Nguyên tắc thực hiện

Việc đối sánh, so chuẩn được thực hiện dựa trên các quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các tổ chức nước ngoài hợp pháp về kiểm định chất lượng giáo dục, đối sánh và xếp hạng đại học; số liệu đối sánh phải tương ứng về thời gian.

Đối tác lựa chọn để đối sánh chất lượng các lĩnh vực hoạt động của Trường và đối sánh chất lượng các CTĐT phải đảm bảo tiêu chí quy định; khuyến khích lựa chọn đối tác có chỉ số đối sánh phù hợp cao hơn, tạo động lực phấn đấu nâng cao chất lượng đào tạo.

Hoạt động đối sánh tuân thủ chu trình cải tiến chất lượng liên tục PDCA (Plan, Do, Check, và Act), được triển khai trên nền tảng văn hóa chất lượng của Nhà trường.

Ngoài việc đối sánh với các CSGD đại học (đối sánh ngoài), các đơn vị chức năng còn phải thực hiện đối sánh nội bộ về chất lượng hoạt động theo thời gian.

Các hoạt động có số liệu theo năm học sẽ lấy kết quả của năm học 2021-2022 và 2022-2023; các hoạt động có kết quả theo năm tài chính sẽ lấy kết quả của năm 2023.

3. Công cụ thực hiện

Các nội dung so chuẩn, đối sánh được thực hiện theo quy định đối sánh, so chuẩn tại Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên, được ban hành kèm theo Quyết định số 2177/QĐ-ĐHSPKTHY ngày 19/12/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên.

4. Tiêu chí lựa chọn đối tác và các nội dung so chuẩn, đối sánh

a) Các tiêu chí lựa chọn đối tác để đối sánh cơ sở giáo dục được thực hiện theo Điều 5 của Quy định (ban hành theo Quyết định số 2177/QĐ-ĐHSPKTHY ngày 19/12/2022).

b) Các Nội dung so chuẩn, đối sánh: Thực hiện theo Điều 8, Quyết định số 2177/QĐ-ĐHSPKTHY ngày 19/12/2022.

5. Kế hoạch thực hiện cụ thể

TT	Các hoạt động	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
1	Xây dựng Kế hoạch so chuẩn, đối sánh chất lượng giáo dục của Nhà trường	Phòng ĐBCL&KT	Các đơn vị trong và ngoài trường	07/11/2023 đến 15/11/2023
2	Lựa chọn, xác định đối tác để thực hiện so chuẩn, đối sánh chất lượng giáo dục	Phòng ĐBCL&KT	Các CSGD ngoài trường	07/11/2023 đến 08/11/2023
3	Gửi công văn đề nghị đối tác phối hợp thực hiện so chuẩn, đối sánh	Phòng ĐBCL&KT	Các CSGD ngoài trường	08/11/2023 đến 15/11/2023
	Xây dựng cơ sở dữ liệu của Nhà trường các năm học phục vụ so chuẩn, đối sánh	Phòng ĐBCL&KT, Phòng Đào tạo, Phòng QLKHCN&HTQT, Phòng TCCB, Phòng TCKT, phòng HCQT, Phòng CTSV	Các đơn vị trực thuộc Trường	07/11/2023 đến 15/11/2023
4	Thực hiện tự đối sánh, so chuẩn của từng chỉ số ở các bộ phận quản lý (năm học 2022-2023)	Phòng ĐBCL&KT	Các Phòng, Trung tâm thuộc Trường	07/11/2023 đến 25/11/2023
5	Tiếp nhận dữ liệu từ các trường đối tác để so chuẩn, đối sánh	Phòng ĐBCL&KT	Các đơn vị đối tác ngoài trường	25/11/2023
6	Thực hiện việc so chuẩn, đối sánh dựa vào dữ liệu của các trường ở từng lĩnh vực. Đề xuất kế hoạch cải tiến chất lượng dựa trên việc phân tích số liệu so chuẩn, đối sánh	Phòng ĐBCL&KT	Các đơn vị đối tác ngoài trường	27/8/2023 đến 04/12/2023
7	- Tổng hợp kết quả so chuẩn, đối sánh của Nhà trường và kế hoạch cải tiến chất lượng từ các đơn vị. - Xây dựng Báo cáo so chuẩn, đối sánh chất lượng GD.	Phòng ĐBCL&KT	Các đơn vị trực thuộc Trường	04/12/2023 đến 18/12/2023
8	Hoàn thiện báo cáo kết quả so chuẩn, đối sánh chất lượng giáo dục của Nhà trường.	Phòng ĐBCL&KT	Các đơn vị trong và ngoài trường	18/12/2023 đến 26/12/2023

Nơi nhận:

- Hiệu trưởng, các PHT;
- Các đơn vị;
- Lưu: VT, ĐBCL&KT.



Bùi Trung Thành